

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 21-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Sơn và ông Nguyễn Văn Thuý

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông
Lê Xuân Chiến, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Mạnh Hùng,
Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Hầu A M, sinh năm 1975 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Lớp 1/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hầu Seo S, đã chết; Con bà: Giàng Thị D, sinh năm 1954.

Bị cáo có vợ Thào Thị D, sinh năm 1977 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/8/2022, tạm giam ngày 17/8/2022, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo HẦU A M:** Bà Bùi Thuý A, sinh năm 1993, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Thào Thị D, sinh năm 1977, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

2. Lò Văn K, sinh năm 1959, địa chỉ bản P, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 14/8/2022, HẦU A M liên lạc bằng điện thoại cho Giàng A T, sinh năm 1993, địa chỉ ở bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên để nhờ T đi mua hộ ma túy. Sau khi T nhất trí, bị cáo dùng xe mô tô biển kiểm soát 27S1 – 016.77 lên nhà T. Đến bản H, bị cáo gặp T và đưa số tiền 1.120.000 đồng và thoả thuận với T mua 1.000.000 đồng tiền ma túy, còn lại 120.000 đồng là tiền công bị cáo trả cho T. Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, do xe mô tô của bị cáo bị thùng sấm, bị cáo mượn xe mô tô biển kiểm soát 27AA – 053.83 của Lò Văn D, sinh năm 1994 ở bản P, xã N đang ở chơi nhà bị cáo. HẦU A M dùng xe mô tô của Lò Văn D đi đến nhà Giàng A T để nhận ma túy. Sau khi nhận được một gói ni lông màu trắng từ T, bị cáo cầm ở tay trái rồi quay về. Trên đường về đến bản N 2, xã N lúc 14 giờ cùng ngày, bị cáo bị tổ công tác Công an huyện N đang làm nhiệm vụ bắt quả tang tạm giữ vật chứng là một gói ni lông màu trắng, bên trong có 02 gói ni lông màu trắng, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine.

Cáo trạng số 03/CT-VKSNP ngày 28/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo HẦU A M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo HẦU A M từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ 20 phút ngày 14/8/2022 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Hầu A M bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an huyện N đã tạm giữ của bị cáo 01 gói ni lông màu trắng bên trong chứa hai gói ni lông màu trắng, bên trong các gói chất bột màu trắng đục dạng nén nghi là Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 15/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 33, 34 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Hầu A M là 7,21 gam nghi Heroine gửi toàn bộ đi giám định.

Kết luận giám định số 1158/KL-KTHS ngày 22/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 39 đã kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Hầu A M là 7,21 gam. Mẫu chất bột màu trắng đục thu giữ của Hầu A M gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Không hoàn lại mẫu vật sau giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Hầu A M có tội. Bị cáo đi mua ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hầu A M có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội: Khối lượng ma túy bị thu giữ của Hầu A M là 7,21 gam Heroine. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 05 gam đến dưới 30 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Hầu A M là người dân tộc Mông sinh sống tại xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo là người nghiện ma túy nhưng chưa sử dụng các biện pháp cai nghiện. Đây là nguyên nhân chính bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận định trên đây là cơ

sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hậu A M.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là 7,21 gam Heroine gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng này đã giám định hết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27AA – 053.83 tạm giữ của bị cáo. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Lò Văn K, sinh năm 1959, địa chỉ bản P, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên và không liên quan đến vụ án đồng thời trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27S1 – 016.77 mang tên Hậu A M. Đây là phương tiện bị cáo dùng liên lạc với đối tượng để nhờ đi mua ma túy. Kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa xác định chiếc xe là tài sản chung của gia đình bị cáo. Do vậy tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe đồng thời trả lại cho vợ bị cáo là Thào Thị D, sinh năm 1977, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nêu trên.

Vật chứng là chiếc điện thoại tạm giữ của Hậu A M, đây là phương tiện bị cáo liên lạc với đối tượng mua ma túy cho bị cáo do vậy tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo **Hầu A M** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

[11] Các vấn đề khác: Đối với đối tượng **Giàng A T**, sinh năm 1993, địa chỉ ở bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên bị cáo khai nhận trả công cho T đi mua hộ ma túy. Quá trình điều tra, đối tượng vắng mặt tại địa bàn cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tách ra xử lý khi có đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hầu A M** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hầu A M 06** (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 14/8/2022.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27S1 – 016.77. Trả lại $\frac{1}{2}$ trị giá còn lại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27S1 – 016.77 cho chị **Thào Thị D**, sinh năm 1977, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Xe mô tô có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/12/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại tạm giữ của **Hầu A M** được đựng trong phong bì công văn của Công an huyện N có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/12/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Chấp nhận biên bản trả lại tài sản hồi 08 giờ 00 phút ngày 15/9/2022 của Công an huyện N trả tài sản cho **Lò Văn K**.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Hầu A M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/02/2023; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, người bào chữa, người LQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân